

Số: /NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Giao biên chế công chức, chỉ tiêu hợp đồng lao động  
theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức  
hành chính Nhà nước của tỉnh Tuyên Quang năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách Nhà nước của các cơ quan hành chính Nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2022; Quyết định số 1027/QĐ-BNV ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước của tỉnh Tuyên Quang năm 2022;*

*Xét Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao biên chế công chức, chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước tỉnh Tuyên Quang năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 144/BC-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2021 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Giao biên chế công chức, chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước của tỉnh Tuyên Quang năm 2022, như sau:**

1. Biên chế công chức: 1.754 biên chế.
2. Chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ:
  - a) Trong các cơ quan, tổ chức hành chính Nhà nước: 132 chỉ tiêu.
  - b) Trong cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy: 21 chỉ tiêu.

*(Có phụ lục kèm theo)*

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ khi Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh, Công báo Tuyên Quang;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (H. Loan).

**CHỦ TỊCH****Lê Thị Kim Dung**

**PHỤ LỤC 01**  
**GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC, CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**  
**THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH**  
**NHÀ NƯỚC TỈNH TUYẾN QUANG NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế công chức	Chỉ tiêu HĐLĐ theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP
	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>1.754</b>	<b>132</b>
<b>I</b>	<b>CẤP TỈNH</b>	<b>1.065</b>	<b>94</b>
1	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	38	14
	<i>Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyên trách</i>	10	-
	<i>Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh</i>	28	14
2	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	58	12
3	Sở Nội vụ	47	4
4	Sở Ngoại vụ	12	2
5	Sở Công Thương	33	3
6	Sở Tư pháp	24	3
7	Sở Giao thông Vận tải	64	2
8	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	40	3
9	Sở Khoa học và Công nghệ	22	2
10	Sở Y tế	51	2
11	Thanh tra tỉnh	29	3
12	Ban Dân tộc	15	3
13	Sở Tài chính	64	3
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	43	3
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	40	3
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	40	4
17	Sở Xây dựng	35	1
18	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	342	22
19	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	37	1
20	Sở Thông tin và Truyền thông	22	2
21	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh	9	2

<b>TT</b>	<b>Tên cơ quan, đơn vị</b>	<b>Biên chế công chức</b>	<b>Chỉ tiêu HDLD theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP</b>
<b>II</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>	<b>689</b>	<b>38</b>
1	Ủy ban nhân dân huyện Na Hang	91	5
2	Ủy ban nhân dân huyện Lâm Bình	82	6
3	Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hoá	102	4
4	Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên	98	6
5	Ủy ban nhân dân huyện Yên Sơn	108	6
6	Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương	106	5
7	Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang	102	6

**PHỤ LỤC 02**  
**GIAO CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG**  
**THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP CHO CƠ QUAN CHUYÊN TRÁCH, THAM MƯU GIÚP VIỆC**  
**TỈNH ỦY TỈNH TUYÊN QUANG NĂM 2022**  
*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

<b>TT</b>	<b>Tên cơ quan, đơn vị</b>	<b>Chỉ tiêu HDLD theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP</b>
	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>21</b>
1	Cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy (Văn phòng Tỉnh ủy)	21